

Số: 01/2026/KĐHP/CBNLPTN

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng Hải Phòng;
- Các Chủ đầu tư;
- Ban Quản lý dự án, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định công trình xây dựng Hải Phòng. Chúng tôi xin công bố công khai năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (TNCNXD)

Tên tổ chức hoạt động TNCNXD: **Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định công trình xây dựng Hải Phòng**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0801470141 do Sở tài chính thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 03/10/2025.

Địa chỉ: Số 220 Đoàn Kết, Phường Hải Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 02203855999

Email:

Website: <https://kiemdinhhaiphong.com>

2. Thông tin phòng thí nghiệm xây dựng

Tên phòng thí nghiệm: Phòng kiểm định và thí nghiệm xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 220 Đoàn Kết, Phường Hải Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam



3. Thông tin năng lực phòng thí nghiệm trước khi công bố:

Phòng kiểm định và thí nghiệm xây dựng mã số LAS-XD HAP 004 thuộc Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định công trình xây dựng Hải Phòng được Sở Xây dựng Hải Dương cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Giấy chứng nhận số 12/GCN-SXD ký ngày 06 tháng 11 năm 2025.

4. Năng lực thực hiện phép thử phòng thí nghiệm:

Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (Phụ lục 1 danh mục chỉ tiêu thí nghiệm kèm theo công bố này)

5. Năng lực về thiết bị, dụng cụ của phòng thí nghiệm:

Danh mục thiết bị thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (Phụ lục 2 danh sách thiết bị kèm theo công bố này)

6. Năng lực về nhân sự phòng thí nghiệm:

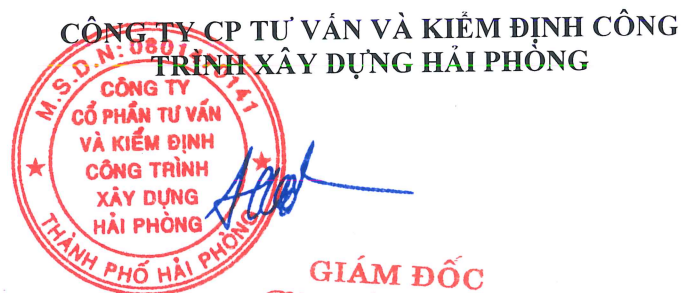
Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên của phòng thí nghiệm (Phụ lục 3 danh sách cán bộ, thí nghiệm viên kèm theo công bố này)

6. Địa chỉ công bố năng lực tại Website: <https://kiemdinhhaiphong.com>

Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định công trình xây dựng Hải Phòng thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và chịu trách trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Website: <https://kiemdinhhaiphong.com>
- SXD Hải Phòng
- Lưu: VT



GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Mạnh

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
(Kèm theo quyết định số: 01/2026/KĐHP/CBNLPTN ngày 10 tháng 4 năm 2026 của công ty cổ phần tư vấn và kiểm định công trình xây dựng Hải Phòng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẼM (SỎI), CẤP PHỐI				
1	Thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:06; TCVN 14134-5:24; ASTM C136; AASHTO T27	bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay chứa mẫu cốt liệu, bay hoặc xẻng lấy mẫu, chổi mềm vệ sinh sàng, thước thép hoặc thước cặp, đồng hồ bấm giờ	1, Nguyễn Xuân Viên; 2, Nguyễn Xuân Huân; 3 Vũ Hoàng Kiên
2	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước, tỷ trọng khối	TCVN 7572-4:06; ASTM C127, C566; AASHTO T225, T85	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, rổ đựng mẫu, khăn lau mẫu, khay chứa mẫu, thước cặp, nhiệt kế. Cân kỹ thuật; tủ sấy; thùng ngâm mẫu; khăn lau mẫu; khay chứa mẫu; nhiệt kế; Bình tỷ, bình hút ẩm; sàng	
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; ASTM C70, C127, C29; AASHTO T84	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, rổ đựng mẫu, khăn lau mẫu, khay chứa mẫu, nhiệt kế.	
4	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06; ASTM C29M; AASHTO T19	Cân kỹ thuật, thùng đóng thể tích chuẩn, thanh đâm thép, thước gạt phẳng, phễu rót mẫu, khay chứa mẫu, bay xúc mẫu.	
5	Xác định độ ẩm, độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-7:06; ASTM C566; AASHTO T255	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay sấy mẫu, bình hút ẩm, cốc kim loại đựng mẫu, kẹp gấp mẫu, thìa hoặc bay xúc mẫu, nhiệt kế.	
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; ASTM C142; AASHTO T112	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, khay sấy mẫu, chậu rửa mẫu, thùng chứa mẫu, bay xúc mẫu, chổi làm, kẹp gấp mẫu, dung dịch amôniac 25%, pipet 100ml, nước cất	
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; ASTM C40	Ống nghiệm thủy tinh, giá đỡ ống nghiệm, ống đong chia độ, pipet, cốc thủy tinh, cân kỹ thuật, đĩa khuấy, chai dung	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
			dịch chuẩn màu, bảng so màu	
8	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM D2938	Máy nén đá, khuôn hoặc thiết bị giữ mẫu, thước cặp, cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, khay chứa mẫu, nhiệt kế.	
9	Xác định hệ số nén dập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06; ASTM C131; AASHTO T96	Máy nén, xi lanh nén mẫu, piston nén, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay chứa mẫu, bay xúc mẫu.	
10	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; ASTM C117	Thước đo thoi dẹt, thước cặp, cân kỹ thuật, khay chứa mẫu, bay xúc mẫu.	
11	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06; ASTM C142; AASHTO T112, T122	bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, khay phân loại mẫu cốt liệu, nhíp hoặc dụng cụ gấp hạt, kính lúp hoặc kính hiển vi soi nổi, tủ sấy, bay hoặc xẻng lấy mẫu, chổi mềm vệ sinh sàng, đồng hồ bấm giờ.	
12	Xác định hàm lượng hạt đập vỡ	TCVN 7572-18:06;	bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, khay phân loại mẫu cốt liệu, nhíp hoặc dụng cụ gấp hạt, kính lúp	
13	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06	bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, khay phân loại mẫu cốt liệu, búa nhỏ kiểm tra hạt mềm, nhíp hoặc dụng cụ gấp hạt, kính lúp quan sát hạt, tủ sấy, bay hoặc xẻng lấy mẫu, chổi mềm vệ sinh sàng,	
14	Xác định độ góc cạnh cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ đo góc cạnh	
15	Xác định hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075mm bằng phương pháp rửa	AASHTO T11	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, khay phân loại mẫu cốt liệu	
16	Xác định hàm lượng hạt cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, khay phân loại mẫu cốt liệu	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
HỖN HỢP BÊ TÔNG				
17	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119	Côn Abrams, đế thử độ sụt, thanh đầm thép, bay xúc bê tông, thước đo độ sụt.	1, Hoàng Thị Hiền; 2, Nguyễn Xuân Huân; 3, Quách Đại Dương
18	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; TCVN 3115:2022; ASTM C138; AASHTO T121	Thùng đong thể tích chuẩn, cân kỹ thuật, thanh đầm thép, búa cao su, bay xúc bê tông, thước gạt phẳng.	
19	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232	Thùng chứa mẫu bê tông, ống đong chia vạch, pipet hoặc xi lanh hút nước, cân kỹ thuật, bay xúc bê tông, đồng hồ bấm giờ.	
20	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993; TCVN 3111:2022	Cân kỹ thuật, bể nước ngâm mẫu, tủ sấy phòng thí nghiệm, thùng chứa nước, giá treo mẫu trong nước, khăn lau mẫu, thước đo kích thước mẫu	
21	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022; EN 12350-7:2009	Bình đo hàm lượng bọt khí (air meter – phương pháp áp suất), thanh đầm thép, búa cao su, bay xúc bê tông, thước gạt phẳng, cân kỹ thuật.	
22	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642	Cân kỹ thuật, bể nước ngâm mẫu, tủ sấy phòng thí nghiệm, thùng chứa nước, giá treo mẫu trong nước, khăn lau mẫu, thước đo kích thước mẫu.	
23	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022; EN 12350-7:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy phòng thí nghiệm, bể nước ngâm mẫu, thùng chứa nước, giá treo mẫu, khăn lau mẫu, thước đo kích thước mẫu.	
24	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C642	Cân kỹ thuật, thùng đong thể tích chuẩn, thanh đầm thép, búa cao su, bay xúc bê tông, thước gạt phẳng, tủ sấy phòng thí nghiệm, bể nước ngâm mẫu.	
25	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39; AASHTO T22-10	Máy nén bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, máy khoan lấy lõi bê tông, thước đo kích thước mẫu, cân kỹ thuật, bể	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
			duỡng hộ mẫu, tủ sấy phòng thí nghiệm.	
26	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C39; AASHTO T97	Máy thử uốn bê tông, khuôn đúc mẫu dầm bê tông, gổ tựa và con lăn thử uốn, thước đo kích thước mẫu, cân kỹ thuật, bể dưỡng hộ mẫu.	
27	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022	Máy nén bê tông, bộ gá thử kéo bửa (thanh ép và dải đệm), khuôn đúc mẫu bê tông, thước đo kích thước mẫu, cân kỹ thuật, bể dưỡng hộ mẫu.	
28	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726: 2022; ASTM C469-10	Máy nén mẫu bê tông, bộ gá đo modun đàn hồi, đồng hồ chuyển vị	
29	Lấy mẫu bằng khoan từ cấu kiện	ASTM C42	Máy khoan mẫu	
30	Xác định cường độ bê tông từ khoan cấu kiện	TCVN 239:2006; TCVN 12252:2020	Máy nén bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, máy khoan lấy lõi bê tông, thước đo kích thước mẫu, cân kỹ thuật, bể dưỡng hộ mẫu, tủ sấy phòng thí nghiệm	
THÍ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ GẠCH XÂY				
31	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN 6355-1:09	- Thước lá - Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.	Nguyễn Xuân Viên
32	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:09	Máy nén thủy lực, máy cưa để tạo mẫu thử, thước đo có độ chính xác tới 1mm...	
33	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:09	Máy thử uốn, bộ gá uốn mẫu, thước đo có độ chính xác tới 1mm...	
34	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
35	Xác định khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-5:09	Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ, cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thước đo có độ chính xác tới 1mm.	
36	Xác định độ rỗng của gạch xây	TCVN 6355-6:09	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, Tủ sấy có điều	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
			chỉnh nhiệt độ, bộ cân thủy tĩnh, thước kẹp	
THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP				
37	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017	Quan sát mắt thường	Nguyễn Xuân Viên
38	Xác định kích thước, độ vuông góc, thẳng cạnh	TCVN 7959:2017	- Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm; Thước nivô có độ chính xác 0,1 mm; Thước vuông góc, thước đo thẳng cạnh	
39	Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 7959:2017	- Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ. - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. - Thùng hay bể ngâm mẫu.	
40	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	Máy nén chuyên dụng, bộ gá nén	
41	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	- Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ. - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. - Thùng hay bể ngâm mẫu.	
THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN				
42	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm; Thước nivô có độ chính xác 0,1 mm; Thước vuông góc, thước đo thẳng cạnh	Nguyễn Xuân Viên
43	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	Máy nén chuyên dụng, bộ gá nén	
44	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	- Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ. - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. - Thùng hay bể ngâm mẫu.	
45	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	Máy cắt mẫu, máy mài mòn, bột mài, thước kẹp, thước lá	
THÍ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG				
46	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm; Thước nivô có độ chính xác 0,1 mm; Thước vuông góc, thước đo thẳng cạnh	Nguyễn Xuân Viên
47	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016	Máy nén chuyên dụng, bộ gá nén	
48	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật có độ chính	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
			xác đến 1g, Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ, bộ cân thủy tĩnh, thước kẹp	
49	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016	- Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ. - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. - Thùng hay bể ngâm mẫu. - Bộ gá thấm	
50	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	- Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ. - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. - Thùng hay bể ngâm mẫu.	
THÍ NGHIỆM GẠCH TERRAZO				
51	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013	Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm; Thước nivô có độ chính xác 0,1 mm; Thước vuông góc, thước đo thẳng cạnh	Nguyễn Xuân Viên
52	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	- Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ. - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. - Thùng hay bể ngâm mẫu.	
53	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 6065:1995	Máy cắt mẫu, máy mài mòn, bột mài, thước kẹp, thước lá	
54	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy nén, uốn, bộ gá uốn, thước lá	
THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
55	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11; AASHTO T245	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, tủ sấy, nhiệt kế 250 ⁰ C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.	1, Vũ Hoàng Kiên; 2, Phạm Duy Hiệp
56	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11; AASHTO T164; ASTM D2172	Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính xác 0,01g; cốc nung, C2HCl3, (NH4)2CO3 và các dụng cụ phụ trợ.	
57	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật chính xác 0,1%, tủ sấy.	
58	Xác định tỉ trọng	TCVN 8860-4:11	Bình hút chân không, bình	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
	lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời		chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân chính xác 0,1%, nhiệt kế chính xác 1 ⁰ C, tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ.	
59	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11	Cân chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 1 ⁰ C	
60	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay.	
61	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	Ống đồng bằng thép D39 * H86mm dung tích 100ml, phễu kim loại, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân chính xác 0,1g.	
62	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	Phương pháp tính toán	
63	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	Phương pháp tính toán	
64	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	Phương pháp tính toán	
65	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	Phương pháp tính toán	
66	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	Phương pháp tính toán	
NHỰA BITUM				
67	Xác định độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7496:05; ASTM D113	Máy thí nghiệm mô đun đàn hồi (máy nén động), buồng điều nhiệt, cảm biến biến dạng (LVDT), bộ ghi dữ liệu, khuôn mẫu thí nghiệm, cân kỹ thuật, nhiệt kế.	1, Vũ Hoàng Kiên; 2, Phạm Duy Hiệp
68	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h	TCVN 7499:05; ASTM D6	Tủ sấy hoặc lò gia nhiệt, lò TFOT , lò RTFOT , chai hoặc lọ thủy tinh đựng mẫu RTFOT, giá quay chai RTFOT, hệ thống cấp khí cho RTFOT, nhiệt kế, cân kỹ thuật hoặc cân phân tích, cốc hoặc khay đựng mẫu.	
69	Xác định lượng hòa tan của nhựa	TCVN 7500:05; ASTM D2042	Cân phân tích, cốc thủy tinh, bình tam giác, phễu lọc thủy	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Dụng cụ, thiết bị	Thí nghiệm viên
	trong tricloetylen		tinh, giấy lọc, bình hút ẩm, tủ sấy, bình rửa dung môi	
70	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 7501:05; ASTM D2042	Bình tỉ trọng (pycnometer), cân phân tích, bể nước điều nhiệt 25 °C, nhiệt kế, tủ sấy, bình hút ẩm.	
71	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05	Bếp gia nhiệt, cốc thủy tinh chịu nhiệt, nhiệt kế thí nghiệm, rây kim loại hoặc giá đỡ mẫu, kẹp gấp mẫu, đồng hồ bấm giờ, khay thí nghiệm, tủ sấy phòng thí nghiệm.	
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
72	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích đất (dao dai)	22TCN 02:1971; TCVN 12791:2020; TCVN 8730:2012; AASHTO T204	Dao vòng lấy mẫu, búa đóng dao vòng, dao gạt mẫu, cân kỹ thuật, hộp đựng mẫu, tủ sấy phòng thí nghiệm, thước đo kích thước mẫu, khay đựng mẫu.	1, Vũ Hoàng Kiên; 2, Quách Đại Dương; 3, Phạm Duy Hiệp
73	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích đất (rót cát)	22TCN 346:2006; AASHTO T191; TCVN 8729:2012; ASTM D1556	Bình rót cát, phễu rót cát, cát chuẩn, đĩa đế, cân kỹ thuật, hộp đựng mẫu đất, tủ sấy phòng thí nghiệm, khay đựng mẫu, dao đào hố, chổi làm sạch hố.	
74	Xác định thành phần hạt của cấp phối đá dăm	AASHTO T27; TCVN 8859:2023	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay chứa mẫu, cối đằm	
75	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước thẳng 3 m, nệm đo khe hở, thước đo khoảng cách.	
76	XĐ môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011	Cần đo vồng Benkelman, xe tải thử tải, đồng hồ đo chuyển vị, giá đỡ thiết bị, thước đo khoảng cách	
77	Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy, đá mài.	



GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Mạnh

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH THIẾT BỊ - DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM

(Kèm theo quyết định số: 01/2026/KĐHP/CBNLPTN ngày 10 tháng 4 năm 2026 của công ty cổ phần tư vấn và kiểm định công trình xây dựng Hải Phòng)

STT	Tên thiết bị	SL	ĐVT	Ghi chú
1	Máy nén bê tông 2000KN Model: TYA-2000 Khả năng nén Max: 2000KN	1	bộ	Hoạt động tốt
2	Khuôn mẫu bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa - VN	12	chiếc	Hoạt động tốt
3	Khuôn mẫu bê tông 150x150x600mm - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
4	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX - VN là 500mm	1	bộ	Hoạt động tốt
5	Bộ ép chế mẫu bê tông hình trụ D150mm - VN	1	bộ	Hoạt động tốt
6	Bàn rung mẫu Bê tông 800x800mm Xuất xứ: Trung Quốc	1	chiếc	Hoạt động tốt
7	Khuôn bê tông lập phương 200mm (loại bằng nhựa) - VN	3	chiếc	Hoạt động tốt
8	Máy mài mòn bê tông, gạch mẫu vuông 70,7mm Xuất xứ: Việt Nam	1	bộ	Hoạt động tốt
9	Máy đo hàm lượng bọt khí bê tông 7 lít - TQ Model: HC-7L	1	bộ	Hoạt động tốt
10	Thiết bị đo modun đàn hồi khi nén - TQ Model: TM-2	1	bộ	Hoạt động tốt
11	Máy nén xi măng, gạch 300KN Model: TYA-300 - Khả năng nén: 0-300KN	1	bộ	Hoạt động tốt
12	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn Model: JJ-5 Xuất xứ: Trung Quốc	1	bộ	Hoạt động tốt
13	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn tự động Model: ZS-15 Xuất xứ: Trung Quốc	1	bộ	Hoạt động tốt
14	Dụng cụ Vica - TQ	1	bộ	Hoạt động tốt
15	Thùng hấp mẫu xi măng Model: FZ-31A Xuất xứ: Trung Quốc	1	bộ	Hoạt động tốt
16	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm - TQ	1	bộ	Hoạt động tốt
17	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm - TQ	1	bộ	Hoạt động tốt
18	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa - TQ	2	chiếc	Hoạt động tốt
19	Cát chuẩn 0,08-2mm, ISO 679 - VN Trọng lượng tiêu chuẩn: 1.35kg/1 túi	15	túi	Hoạt động tốt
20	Khuôn Le Chatelier - TQ	6	chiếc	Hoạt động tốt
21	Bình tỷ trọng xi măng - TQ	1	ch	Hoạt động tốt
22	Thiết bị kiểm tra độ thấm của gạch Block - VN	1	bộ	Hoạt động tốt
23	Bộ gá uốn mẫu gạch xây tiêu chuẩn - VN	1	bộ	Hoạt động tốt
24	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn tiêu chuẩn - VN	1	bộ	Hoạt động tốt

25	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150 -VN	1	bộ	Hoạt động tốt
26	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75 - VN	1	bộ	Hoạt động tốt
27	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
28	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
29	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đong) - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
30	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đong) - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
31	Thùng dung trọng 3 lít (Hộc đong) - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
32	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đong) - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
33	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đong) - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
34	Thùng dung trọng 15 lít (Hộc đong) - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
35	Thùng dung trọng 20 lít (Hộc đong) - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
36	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá) - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
37	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
38	Bảng so màu chuẩn - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
39	Bộ xác định đương lượng cát - VN	1	bộ	Hoạt động tốt
40	Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3 - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
41	Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát - VN	1	bộ	Hoạt động tốt
42	Thiết bị xác định góc cạnh của cát - VN ong dung tích chuẩn.	1	bộ	Hoạt động tốt
43	Sàng D200mm, 0.090mm - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
44	Bộ sàng thí nghiệm thành phần cỡ hạt của cát, đá	24	chiếc	Hoạt động tốt
45	Sàng D200mm, 0.075mm - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
46	Thiết bị giãn dài nhựa loại 1500mm Model: SY-1,5 Xuất xứ: Trung Quốc	1	bộ	Hoạt động tốt
47	Thiết bị tổn thất khi nung - VN	1	bộ	Hoạt động tốt
48	Máy nén marshall- Điện tử hiển thị số Model: FY-3A Xuất xứ: Trung Quốc	1	bộ	Hoạt động tốt
49	Máy ly tâm tách nhựa Model: DLC-3 Xuất xứ: Trung Quốc	1	bộ	Hoạt động tốt
50	Máy đầm MARSHALL tự động Model: LHMJ-II Xuất xứ: Trung Quốc	1	bộ	Hoạt động tốt
51	Bể ổn nhiệt marshall điện tử - TQ Model: DHC-57 ng	1	bộ	Hoạt động tốt
52	Bộ cân Benkenman - VN	1	bộ	Hoạt động tốt
53	Bộ dao vòng lấy mẫu đất (loại dao to) - VN	1	bộ	Hoạt động tốt
54	Phễu rót cát hiện trường - VN	1	bộ	Hoạt động tốt
55	Cát 0,6-1,2mm - VN	50	kg	Hoạt động tốt
56	Thước 3m với thước đo độ vồng, loại gấp đôi TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt

57	Máy khoan bê tông D180 Model: HZ-250A Xuất xứ: Trung Quốc	1	bộ	Hoạt động tốt
58	Mũi khoan rút lõi D76mm (Loại mũi liên ren thuận) - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
59	Mũi khoan rút lõi D101,6mm (Loại mũi liên ren thuận) - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
60	Búa thử độ cứng bê tông Model: ZC3-A Xuất xứ: Trung Quốc	1	bộ	Hoạt động tốt
61	Tủ sấy 300°C chỉ thị điện tử Model: 101-1A Xuất xứ: Trung Quốc	1	bộ	Hoạt động tốt
62	Cân điện tử 300g*0,001g Xuất xứ: Trung Quốc	1	chiếc	Hoạt động tốt
63	Cân điện tử 15kg x 0.5g Xuất xứ: Trung Quốc	1	chiếc	Hoạt động tốt
64	Cân điện tử 6kg x 0,2g Xuất xứ: Trung Quốc	1	chiếc	Hoạt động tốt
65	Bàn cân thủy tinh tiêu chuẩn - VN	1	bộ	Hoạt động tốt
66	Rọ cân thủy tinh 200x200 - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
67	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng) - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
68	Bình khối lượng riêng 2000ml (Bình tam giác cổ rộng) - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
69	Ống đong thủy tinh 50ml - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
70	Ống đong thủy tinh 100ml - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
71	Ống đong thủy tinh 250ml - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
72	Ống đong thủy tinh 500ml - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
73	Ống đong thủy tinh 1000ml - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
74	Khay nhôm chứa mẫu loại nhỏ - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
75	Khay chứa mẫu 550x550x50mm - VN	1	chiếc	Hoạt động tốt
76	Nhiệt kế điện tử - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
77	Nhiệt kế kim loại 250°C/5 độ - HQ	1	chiếc	Hoạt động tốt
78	Nhiệt kế thủy tinh 100 độ C - TQ	1	chiếc	Hoạt động tốt

CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HẢI PHÒNG
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN TƯ VẤN
 VÀ KIỂM ĐỊNH
 CÔNG TRÌNH
 XÂY DỰNG
 HẢI PHÒNG
 THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Mạnh

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH CÁN BỘ THÍ NGHIỆM VIÊN, CHUYÊN GIA
(Kèm theo quyết định số: 01/2026/KĐHP/CBNLPTN ngày 10 tháng 4 năm 2026 của công ty cổ phần tư vấn và kiểm định công trình xây dựng Hải Phòng)

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Chức vụ	Chứng chỉ	Kinh nghiệm
1	Hoàng Thị Hiền	1972	Trưởng phòng thí nghiệm	1, Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm; 2, Chứng chỉ thí nghiệm cơ lý xi măng, bê tông và cốt liệu cho Bê tông; 3, Chứng chỉ thí nghiệm tính chất cơ lý của Đất trong phòng và hiện trường	8 năm
2	Nguyễn Xuân Viên	1985	Nhân viên thí nghiệm	1, Chứng chỉ thí nghiệm viên cơ lý bê tông nhựa, nhựa và vật liệu xây dựng	6 năm
3	Nguyễn Xuân Huân	1988	Nhân viên thí nghiệm	1, Chứng chỉ thí nghiệm chuyên ngành giao thông; 2, Chứng chỉ thí nghiệm viên cơ lý Vữa, Bê tông xi măng và Vật liệu chế tạo	4 năm
4	Vũ Hoàng Kiên	1996	Nhân viên thí nghiệm	1, Thí nghiệm viên chuyên ngành Vật liệu công trình giao thông	4 năm
5	Quách Đại Dương	1977	Nhân viên thí nghiệm	1, Chứng chỉ thí nghiệm tính chất cơ lý của Bê tông và vật liệu xây dựng 2, Chứng chỉ thí nghiệm kiểm tra chất lượng Bê tông bằng phương pháp không phá hủy; 3, Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm; 4, Chứng chỉ thí nghiệm tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn 5, Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông; 6, Chứng chỉ thí nghiệm viên hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của Cọc 7, Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017	10 năm
6	Phạm Duy Hiệp	1975	Nhân viên thí nghiệm	Thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông	6 năm



GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Mạnh